

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2020/DS-ST

Ngày 29/9/2020

“V/v: Tranh chấp tiền huê”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hưng và ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 600/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc “*Tranh chấp tiền huê*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2020/QĐXXST-DS ngày 26/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-DS ngày 09/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N.

Trú tại: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H.

Trú tại: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thái S.

Trú tại: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Luật sư Phạm Thị T.

Địa chỉ: Đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

(Bà T có đơn từ chối tham gia tố tụng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Do mối quan hệ hàng xóm quen biết với nhau nên bà N và bà H có chơi huê với nhau. Bà N và bà H tham gia nhiều dây huê, nhưng đã thanh toán đủ, chỉ còn lại các dây huê bà H chưa thanh toán cho bà N, cụ thể như sau:

- Từ ngày 10/10/2018 (ngày 2/9/2018 âm lịch), bà N tham gia dây huê với bà H. Trong dây huê này, bà N tham gia vào 04 chân huê. Tháng đầu tiên (gọi là áp thảo) bà N đã đóng 4.000.000 đồng (mỗi chân huê đóng 1.000.000 đồng). Tổng cộng, bà N đã đóng cho bà H 10 tháng, với tổng số tiền là 36.000.000 đồng. Trong dây huê này, người chơi gồm những ai thì bà N không biết.

- Từ ngày 26/11/2018 (ngày 20/10/2018 âm lịch), bà N nhận sang lại của bà H 04 chân huê với số tiền là 12.800.000 đồng. Từ tháng tiếp theo, bà N đóng 3.200.000 đồng/tháng. Từ ngày 24/5/2019 (ngày 20/4/2019 âm lịch) đến ngày 20/8/2019 (ngày 20/7/2019 âm lịch) đóng là 12.800.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bà N nhận sang lại và đóng cho bà H là 25.600.000 đồng.

Tổng số tiền của các dây huê trên mà bà N đã đóng cho bà H là 61.600.000 đồng.

Đến ngày thanh toán tiền huê, bà N nhiều lần yêu cầu nhưng bà H nói là bà H không còn khả năng thanh toán. Mặc dù bà N đã đòi nhiều lần nhưng bà H vẫn không trả.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thái S) cho rằng bà H đã trả được cho bà N số tiền 28.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả số tiền huê là 33.600.000 đồng. Mặc dù bà H không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh đã trả cho bà N số tiền của các dây huê trên là 28.000.000 đồng, nhưng bà N cũng đồng ý. Nay bà N chỉ yêu cầu bà H phải trả số tiền của các dây huê trên là 33.600.000 đồng.

+ Về lãi suất: Bà N không yêu cầu.

- *Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thái S trình bày:*

Bà N và bà H là hàng xóm. Bà N và bà H có cùng nhau tham gia chơi huê nhằm giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Bà N và bà H tham gia nhiều dây huê, nhưng đã thanh toán đủ, chỉ còn lại các dây huê bà N đang khởi kiện, cụ thể như sau:

- Ngày 10/10/2018 (ngày 2/9/2018 âm lịch), bà N tham gia dây huê với bà H. Trong dây huê này, bà N tham gia vào 04 chân huê, mỗi tháng đóng 3.200.000 đồng; trong đó bà N lời 600.000/tháng. Bà N tham gia được 4 tháng là 12.800.000 đồng rồi bỏ dở không đóng nữa. Sau đó bà N và bà H xảy ra mâu thuẫn.

- Tiếp theo, ngày 26/11/2018 (ngày 20/10/2018 âm lịch), bà N tham gia dây huê với bà H. Bà H đóng được 4 tháng rồi đòi hốt nhưng không hốt được nên bà N bỏ dở không đóng nữa.

Như vậy, bà N đóng cho bà H 02 dây huê, mỗi dây đóng được 4 tháng, tổng cộng là 25.600.000 đồng; cộng với lần đóng áp thảo 02 chân (4.000.000 đồng/ chân) là 8.000.000 đồng. Tổng cộng, là 33.600.000 đồng.

Nay bà H chỉ đồng ý trả cho bà N số tiền huê là 33.600.000 đồng. Vì bà H đang nuôi con nhỏ nên xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và việc giải quyết vụ án:*

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 274, Điều 280, Điều 471 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bị đơn và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 33.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Tranh chấp tiền huê” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của bị đơn. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà N và bà H chơi huê với nhau là có thật. Được thể hiện bằng các Giấy nhận tiền huê và sự thừa nhận của các bên.

Theo bà N thì từ ngày 10/10/2018 (ngày 2/9/2018 âm lịch), bà N tham gia dây huê với bà H. Trong dây huê này, bà N tham gia vào 04 chân huê. Tháng đầu tiên (gọi là áp thảo) bà N đã đóng 4.000.000 đồng (mỗi chân huê đóng 1.000.000 đồng). Bà N đã đóng cho bà H 10 tháng, với tổng số tiền là 36.000.000 đồng. Tiếp đến, từ ngày 26/11/2018 (ngày 20/10/2018 âm lịch), bà N nhận sang lại của bà H 04 chân huê với số tiền là 12.800.000 đồng. Từ tháng tiếp theo, bà N đóng 3.200.000 đồng/tháng; từ ngày 24/5/2019 (ngày 20/4/2019 âm lịch) đến ngày 20/8/2019 (ngày 20/7/2019 âm lịch), bà N đóng 12.800.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bà N nhận sang lại và đóng cho bà H là 25.600.000 đồng. Tổng cộng số tiền của các dây huê trên mà bà N đã đóng cho bà H là 61.600.000 đồng.

Tuy nhiên, theo bà H thì ngày 10/10/2018 (ngày 2/9/2018 âm lịch), bà N tham gia dây huê với bà H. Trong dây huê này, bà N tham gia vào 04 chân huê, mỗi tháng đóng 3.200.000 đồng; trong đó bà N lời 600.000/tháng. Bà N tham gia được 4 tháng là 12.800.000 đồng rồi bỏ dở không đóng nữa. Tiếp theo, ngày 26/11/2018 (ngày 20/10/2018 âm lịch), bà N tham gia dây huê với bà H; bà N đóng được 4 tháng rồi đòi hốt nhưng không hốt được nên bà N bỏ dở không đóng nữa. Như vậy, bà N đóng cho bà H 02 dây huê, mỗi dây đóng được 4 tháng, tổng cộng là 25.600.000 đồng; cộng với lần đóng áp thảo 02 chân (4.000.000 đồng/chân) là 8.000.000 đồng. Tổng cộng, là 33.600.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N đồng ý với lời trình bày và ý kiến của bị đơn. Đồng thời, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà H phải trả số tiền huê là 33.600.000 đồng. Xét thấy việc bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên cần chấp nhận.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn bà Nguyễn Thị N, buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả số tiền huê đã nhận là 33.600.000 đồng, là phù hợp với Điều 274, Điều 280, Điều 471 Bộ luật dân sự.

Về lãi suất: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn, bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.680.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 1.540.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2019/0004864 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 244, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 274, Điều 280, Điều 471 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 33. 600.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn, bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.680.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 1.540.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2019/0004864 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, Tp. BMT;
- THADS Tp. BMT;
- Đương sự.
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

PHAN ĐÌNH HẢI

